

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 12 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh H

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị T

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Thanh H trình bày: Ông và bà Kim Thị T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1987, không tổ chức đám cưới, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không

cùng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 09 năm. Đến nay thấy tình cảm không còn, không hề hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có. Đối với nền tái định cư trong khu vượt lũ Bảy Ngàn diện tích khoảng 110m² và nhà trên đất, giá trị khoảng 1.000.00.000đồng (Một tỷ đồng) mà bà T khai là tài sản chung của vợ chồng là không đúng. Vì đây là tài sản riêng của ông. Vì trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông ở đầu phía sau nhà của gia đình bà T, khi nhà nước thu hồi đất ông được xét cấp ½ suất tái định cư nhưng ông không đồng ý nhận, khi đó chủ đầu tư mới hỗ trợ thêm cho ông để ông được nhận 01 nền tái định cư trong khu vượt lũ Bảy Ngàn. Căn nhà thì ông dùng tiền ông được hỗ trợ di dời, thay đổi chỗ làm việc để xây cất. Vì vậy, nếu bà T cho rằng đây là tài sản chung và yêu cầu chia thì ông không đồng ý chia tài sản này vì đây là tài sản riêng của ông, ông được cấp và hỗ trợ sau khi đã sống ly thân với bà T.

Nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Kim Thị T trình bày như sau: Bà và ông Lê Thanh H chung sống như vợ chồng vào khoảng năm 1987 đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và đã sống ly thân nhiều năm nay. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H bà không đồng ý ly hôn, nếu muốn bà ký giấy ly hôn thì ông H phải chia tài sản cho bà.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có một nền tái định cư trong khu vượt lũ Bảy Ngàn diện tích khoảng 110m² và nhà trên đất, giá trị nhà đất khoảng 1.000.00.000đồng (Một tỷ đồng). Đối với nền nhà là nền tái định cư do thu hồi đất khu thương mại thị trấn Bảy Ngàn, tiền cất nhà là tiền bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất mà có.

Bà T đã được Thẩm phán hướng dẫn và giải thích về việc phải nộp đơn yêu cầu, nộp tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng nếu có yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà không thực hiện vì bà cho rằng ông H là người muốn ly hôn thì ông H phải làm chứ bà không biết làm và cũng không có tiền nộp tạm ứng.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Ông H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T, xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Bà T đồng ý ly hôn với ông H, xác định có tài sản chung nhưng không thực hiện thủ tục yêu cầu chia tài sản chung theo quy định, nợ chung bà T cũng xác định không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh H đối với bà Kim Thị T; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết, nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thanh H và bà Kim Thị T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T, do bà T có địa chỉ cư trú ở ấp Thị Tứ, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông H và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hợp nhau, vợ chồng ông H và bà T đã sống ly thân hơn 09 năm. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân đã động viên hai bên cho nhau cơ hội hàn gắn, tuy nhiên ông H cho rằng không còn tình cảm với bà T, bà T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã sống ly thân hơn chín năm mà không có giải pháp hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T.

[3.2] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Ông H cho rằng ông và bà T không có tài sản chung, bà T cho rằng có tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, không đồng ý nộp tiền tạm ứng án phí cũng như không đồng ý nộp chi phí tố tụng phát sinh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà T trong vụ án này, nếu sau này bà T thực hiện thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung theo đúng quy định sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Ông Lê Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Lê Thanh H với bà Kim Thị T.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà Kim Thị T có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Thanh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0012222 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Ông H đã nộp xong án phí).

6. Nguyên đơn ông Lê Thanh H, bị đơn bà Kim Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh